

BIỂU CÁC KHOẢN THU, CHI PHỤC VỤ TRỰC TIẾP HỌC SINH NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm công văn số /UBND-GD ngày /12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà)

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu đơn vị đề nghị (đồng)	Mức thu phê duyệt (đồng)	Thời gian thu
A. CẤP MẦM NON					
I.	Trường Mầm non Thị trấn Bắc Hà				
1	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như đệm, chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (các lớp nhà trẻ 2-3 tuổi)	Học sinh/năm	498.000	498.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như đệm, chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Các lớp Mẫu giáo 3-4 tuổi)	Học sinh/năm	119.000	119.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như đệm, chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Các lớp Mẫu giáo 4-5 tuổi)	Học sinh/năm	124.000	124.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như đệm, chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Các lớp Mẫu giáo 5 - 6 tuổi)	Học sinh/năm	98.000	98.000	Tháng 12/2024
2	Mua sắm đồ dùng vật rẻ mau hỏng nhà bếp phục vụ học sinh bán trú (nhà bếp)	Học sinh/năm	37.000	37.000	Tháng 12/2024
3	Dạy tiếng Anh của giáo viên người nước ngoài, huy động trẻ 3,4,5 tuổi (01 tuần 02 tiết)	Học sinh/tiết	25.000	25.000	Thu theo tháng (Tuần 1 hàng tháng)
II. Trường Mầm non Tà Chải					
1	Dạy tiếng Anh của giáo viên người nước ngoài, huy động trẻ 3,4,5 tuổi (01 tuần 02 tiết)	Học sinh/tiết	25.000	25.000	Thu theo tháng (tuần 1 hàng tháng)
2	Đồ dùng dụng cụ bán trú (nhà bếp) với đối tượng nhà trẻ	Học sinh/năm	130.000	130.000	Thu vào tháng 12/2024
	Đồ dùng dụng cụ bán trú (nhà bếp) với đối tượng mẫu giáo bé	Học sinh/năm	120.000	120.000	Thu vào tháng 12/2024
	Đồ dùng dụng cụ bán trú (nhà bếp) với đối tượng mẫu giáo nhỡ	Học sinh/năm	110.000	110.000	Thu vào tháng 12/2024

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu đơn vị đề nghị (đồng)	Mức thu phê duyệt (đồng)	Thời gian thu
	Đồ dùng dụng cụ bán trú (nhà bếp) đối tượng mẫu giáo lớn	Học sinh/năm	10.000	10.000	Thu vào tháng 12/2024
3	Hỗ trợ tiền điện, sử dụng quạt sưởi ấm cho học sinh	Học sinh/tháng	2.000	2.000	Thu vào tháng 12/2024
III. Trường Mầm non Bản Phố					
1	Mua sắm đồ dùng vật rẻ mau hỏng nhà bếp phục vụ học sinh bán trú (nhà bếp)	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 12/2024 đến tháng 5/2025
2	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 12/2024 đến tháng 5/2025
3	Hỗ trợ tiền điện, sử dụng quạt sưởi ấm cho học sinh	Học sinh/tháng	3.000	3.000	Tháng 12/2024 đến tháng 3/2025
IV. Trường Mầm non Na Hối					
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiều, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp 5 tuổi A)	Học sinh/năm	54.000	54.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiều, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp 5 Tuổi B)	Học sinh/năm	51.000	51.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiều, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp 4 Tuổi A)	Học sinh/năm	49.000	49.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiều, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp 4 Tuổi B)	Học sinh/năm	48.000	48.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiều, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp 3 tuổi A)	Học sinh/năm	71.000	71.000	Tháng 12/2024

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu đơn vị đề nghị (đồng)	Mức thu phê duyệt (đồng)	Thời gian thu
1	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp 3 tuổi B)	Học sinh/năm	69.000	69.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp 3 tuổi C)	Học sinh/năm	72.000	72.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp 2 Tuổi A)	Học sinh/năm	74.000	74.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp 2 Tuổi B)	Học sinh/năm	71.000	71.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp Chìu Cái)	Học sinh/năm	54.000	54.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp Dì Thàng 1)	Học sinh/năm	52.000	52.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà... (Lớp Dì Thàng 2 4 -5 uổi)	Học sinh/năm	48.000	48.000	Tháng 12/2024

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu đơn vị đề nghị (đồng)	Mức thu phê duyệt (đồng)	Thời gian thu
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ không thuộc đối tượng nhà nước cấp như: Chiếu, giấy vệ sinh, nước rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau nhà....(Lớp Dì Thàng 2 3 - 4 tuổi)	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 12/2024
2	Mua sắm đồ dùng vật rẻ mau hỏng nhà bếp phục vụ học sinh bán trú (nhà bếp) (Trường chính)	Học sinh/năm	15.000	15.000	Tháng 12/2024
	Mua sắm đồ dùng vật rẻ mau hỏng nhà bếp phục vụ học sinh bán trú (nhà bếp) (Chiêu Cái, Dì Thàng)	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 12/2024
3	Dạy tiếng Anh của giáo viên người nước ngoài, huy động trẻ 3,4,5 tuổi (01 tuần 02 tiết)	Học sinh/tiết	25.000	25.000	Thu theo tháng (Tuần 1 hàng tháng)
V.	Trường Mầm non Nậm Mòn				
1	Mua sắm vật dụng đồ dùng hàng năm cho học sinh bán trú	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 12/2024
2	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm	45.000	45.000	Thu theo tháng
VI	Trường Mầm non Hoàng Thu Phố				
1	Mua sắm đồ dùng vật rẻ mau hỏng nhà bếp phục vụ học sinh bán trú (Ph Bản Bấy)	Học sinh/năm	16.000	16.000	Tháng 12/2024
	Mua sắm đồ dùng vật rẻ mau hỏng nhà bếp phục vụ học sinh bán trú (Ph Tả Thồ 2)	Học sinh/năm	40.000	40.000	Tháng 12/2024
	Mua sắm đồ dùng vật rẻ mau hỏng nhà bếp phục vụ học sinh bán trú (Ph Tả Thồ 1)	Học sinh/năm	35.000	35.000	Tháng 12/2024
2	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ (Trường chính)	Học sinh/năm	90.000	90.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ (Trường chính)	Học sinh/năm	90.000	90.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ (Ph Bản Pẩy)	Học sinh/năm	90.000	90.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ (Ph Tả Thồ 2)	Học sinh/năm	90.000	90.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ (Ph Tả Thồ 1)	Học sinh/năm	85.000	85.000	Tháng 12/2024
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ (Ph Sín Giáo Ngải)	Học sinh/năm	90.000	90.000	Tháng 12/2024

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu đơn vị đề nghị (đồng)	Mức thu phê duyệt (đồng)	Thời gian thu
	Một số đồ dùng thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho cá nhân trẻ (Ph Lao Phu Sáng)	Học sinh/năm	90.000	90.000	Tháng 12/2024
3	Tiền điện sử dụng quạt sưởi cho học sinh 05 tháng mùa đông (07 điểm trường)	Học sinh/tháng	2.000	2.000	Tháng 12/2024
VII. Trường Mầm non Cốc Ly					
1	Một số đồ dùng vệ sinh thiết yếu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp cho trẻ: Giấy vệ sinh, xà phòng rửa tay, bột giặt, nước lau sàn, nước tẩy toilet, chổi lau sàn, chổi quét nhà....(Có dự trù chi tiết từng lớp nhóm)	Học sinh/năm học	45.000	45.000	Tháng 12/2024
VIII. Trường Mầm non Tả Văn Chư					
1	Dịch vụ mua sắm vật tư, đồ dùng cho trẻ em ăn trưa tại trường	Học sinh/năm học	20.000	20.000	Tháng 12/2024
2	Dịch vụ mua Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm học	27.000	27.000	Tháng 12/2024
3	Dịch vụ Điện sử dụng quạt sưởi cho trẻ em. (5 tháng mùa đông)	Học sinh/tháng	2.000	2.000	Thu 5 tháng mùa đông từ tháng 11/2024 đến 3/2025.
IX. Trường Mầm non Bảo Nhai					
1	Mua sắm vật tư, đồ dùng cho trẻ em ăn trưa tại trường	Học sinh/năm học	40.000	40.000	Tháng 12/2024
2	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh nhóm lớp	Học sinh/năm học	45.000	45.000	Ngày mùng 5 hàng tháng
3	Dạy tiếng Anh của giáo viên người nước ngoài, huy động trẻ 3,4,5 tuổi (01 tuần 01 tiết)	Học sinh/tiết	25.000	25.000	Thu theo tháng (Tuần 1 hàng tháng)
X. Trường Mầm non Nậm Đét					
1	Mua sắm đồ dùng vật rẻ mau hỏng nhà bếp phục vụ học sinh bán trú (nhà bếp)	Học sinh/năm học	50.000	50.000	Tháng 12/2024
2	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm học	36.000	36.000	Tháng 12/2024 thu 4 tháng (Tháng 3/2025 thu 5 tháng còn lại)
XI. Trường Mầm non Bản Liễn					
1	Dịch vụ điện sinh hoạt cho trẻ mầm non	Học sinh/tháng	5.000	5.000	Tháng 9/2024 và tháng 3/2025
XII. Trường Mầm non Thải Giàng Phố					

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu đơn vị đề nghị (đồng)	Mức thu phê duyệt (đồng)	Thời gian thu
1	Mua sắm vật dụng đồ dùng hằng năm cho học sinh bán trú và học sinh đầu cấp	Học sinh/năm học	50.000	50.000	Từ T 9/2024 đến T4 năm 2025
2	Vật tư, đồ dùng: Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh /năm học	45.000	45.000	Từ T 9/2024 đến T4 năm 2025
3	Điện sử dụng quạt sưởi điện	Học sinh/tháng	5.000	5.000	Thu 5 tháng (T11, 12/2024 và T1, 2, 3/2025)
B. CẤP TIỂU HỌC					
I. Trường PTDTBT TH Nậm Đét					
1	Đồ dùng dụng cụ bán trú (đối với học sinh đầu cấp)	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 11/2024
	Đồ dùng dụng cụ bán trú (đối với học sinh lớp 2 - lớp 5)	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 11/2024
2	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	20.000	20.000	Tháng 11/2024 và tháng 3 năm 2025
3	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/tháng	4.000	4.000	Thu hàng tháng
II. Trường PTDT BT TH Cốc Ly số 1					
1	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh (đối với học sinh bán trú)	Học sinh/năm	27.000	27.000	Tháng 11/2024
	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh (đối với học sinh ngoại trú)	Học sinh/năm	18.000	18.000	Tháng 11/2024
2	Phô tô đề kiểm tra (đối với học sinh lớp 1)	Học sinh/năm	10.000	10.000	Tháng 11/2024
	Phô tô đề kiểm tra (đối với học sinh lớp 2,3)	Học sinh/năm	20.000	20.000	Tháng 11/2024
	Phô tô đề kiểm tra (đối với học sinh lớp 4,5)	Học sinh/năm	25.000	25.000	Tháng 11/2024
III Trường PTDTBT TH Nậm Mòn 2					
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 9- 12/2024;
2	Đồ dùng, dụng cụ vệ sinh cho học sinh	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 9- 12/2024 -
3	Mua sắm đồ dùng hằng năm cho HS bán trú đầu năm học	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 9 - 12/2024 -
IV Trường PTDTBT TH Hoàng Thu Phố Số 1					
1	Mua sắm vật dụng đồ dùng bổ sung hàng năm cho bếp ăn bán trú, học sinh bán trú và dụng cụ vệ sinh chung nhà bếp ăn , phòng ở của HS bán trú	Học sinh/năm	86.000	50.000	Tháng 9 - 12/2024 -
2	Phô tô đề kiểm tra, bài khảo sát cho học sinh	Học sinh/năm	40.000	30.000	Tháng 9 - 12/2024 -
V Trường PTDTBT TH Lùng Phình 1					
1	Phô tô giấy kiểm tra cho học sinh	Học sinh/năm	20.000	20.000	Tháng 11/2024
2	Mua bổ sung vật dụng, đồ dùng bán trú cho học sinh bán trú	Học sinh/năm	40.000	40.000	Tháng 10/2024

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu đơn vị đề nghị (đồng)	Mức thu phê duyet (đồng)	Thời gian thu
VI	Trường TH Na Hối				
1	Nước sinh hoạt	Học sinh/tháng	3.000	3.000	Tháng 10/2024
2	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 10/2024
3	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 10/2024
4	Dạy tiếng Anh của giáo viên người nước ngoài 1,2	Học sinh/tiết	25.000	25.000	Từ ngày 1 đến ngày 5 hàng tháng
VII	Trường PTDTBT TH Bảo Nhai B				
1	Mua sắm dụng cụ ĐDBT	Học sinh/năm	40.000	40.000	Tháng 10/2024 đến tháng 4/2025
2	Phô tô đề ,giấy kiểm tra HS	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 10/2024 đến tháng 4/2025
4	Đồ dùng dụng cụ vệ sinh	Học sinh/tháng	4.000	4.000	Tháng 10/2023 đến tháng 4/2025
VIII	Trường TH Bảo Nhai A				
1	Dụng cụ, đồ dùng bán trú đầu cấp	Học sinh/năm	200.000	200.000	Tháng 9/2024
2	Dụng cụ, đồ dùng bán trú bổ sung hàng năm	Học sinh/năm	40.000	40.000	Tháng 9/2024
3	Nước sinh hoạt	Học sinh/tháng	1.500	1.500	Tháng 9/2024
4	Phô tô đề ,giấy kiểm tra HS	Học sinh/năm	30.000	30.000	Từ tháng 9/2024 đến tháng 11/2024
5	Đồ dùng dụng cụ vệ sinh	Học sinh/tháng	4.000	4.000	Từ tháng 9/2024 đến tháng 11/2024
6	Dạy tiếng Anh của GV người nước ngoài	Học sinh/tiết (hoạt động)	25.000	25.000	Từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 5 năm 2025
IX	Trường PTDTBT TH Nậm Mòn 1				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra HS	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 10
2	Đồ dùng dụng cụ vệ sinh	Học sinh/tháng	5.000	5.000	Tháng 10
X	Trường PTDTBT TH Bản Phố				
2	Phô tô đề, giấy kiểm tra HS	Học sinh/năm	30.000	30.000	Kỳ học
3	Đồ dùng dụng cụ vệ sinh	Học sinh/tháng	5.000	5.000	Học kỳ
XI	Trường TH Thị trấn Bắc Hà				
1	Dạy tiếng Anh có GV là người nước ngoài	Học sinh/tiết	25.000	25.000	Đầu mỗi tháng sau trên bảng chấm công
2	Phô tô đề kiểm tra, phiếu bài tập	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 9,12
3	Vật tư, dụng cụ, giấy vệ sinh	Học sinh/tháng	5.000	5.000	Tháng 9,12

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu đơn vị đề nghị (đồng)	Mức thu phê duyệt (đồng)	Thời gian thu
4	Đồ dùng HS bán trú trưa tại trường	Học sinh/năm	25.000	25.000	Tháng 10
XII	Trường PTDTBT TH Cốc Lầu				
1	Đồ dùng phục vụ học sinh bán trú	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 12, tháng 4
2	Phô tô đề kiểm, phiếu học tập năm học	Học sinh/năm	40.000	30.000	Tháng 9, tháng 1
3	Giấy vệ sinh	Học sinh/tháng	4.000	4.000	Tháng 9, tháng 1
XIII	Trường PTDTBT TH Hoàng Thu Phố số 2				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 12 và tháng 5
2	Đồ dùng dụng cụ vệ sinh	Học sinh/tháng	5.000	5.000	Tháng 12 và tháng 5
3	Đồ dùng học sinh bán trú (thu học sinh ở bán trú)	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 12 và tháng 5
XIV	Trường PTDTBT TH Lùng Phình 2				
1	Mua sắm đồ dùng hằng năm cho HS bán trú	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 11,12 năm/2024
3	Phô tô đề, giấy kiểm tra, (Máy phô tô của nhà trường)	Học sinh/năm	15.000	15.000	Tháng 11/2024
4	Đồ dùng, dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 11/2024
XV	Trường PTDTBT TH Thái Giàng Phố				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra Tiểu học	Học sinh/năm	50.000	30.000	Tháng 11/2024; Tháng 2/2025
C. CẤP THCS					
I	Trường THCS Na Hối				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 11/2024 và tháng 3 năm 2025
2	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 11/2024 và tháng 3 năm 2025
II	Trường PTDTBT THCS Thái Giàng Phố				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	50.000	50.000	T12/2024; T4/2025
2	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm	45.000	45.000	T12/2024; T4/2025
3	Mua sắm vật dụng, đồ dùng hàng năm cho học sinh bán trú	Học sinh/năm	50.000	50.000	T12/2024; T4/2025
III	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 1				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 11/2024; Tháng 3/2025
2	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 11/2024; Tháng 3/2025
3	Mua sắm vật dụng, đồ dùng hàng năm cho học sinh bán trú	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 11/2024; Tháng 3/2025
IV	Trường PTDTBT TH&THCS Bản Cái				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra (Tiểu học)	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 11/2024; Tháng 4/2025

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu đơn vị đề nghị (đồng)	Mức thu phê duyệt (đồng)	Thời gian thu
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra (THCS)	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 11/2024; Tháng 4/2025
2	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm	36.000	36.000	Tháng 11/2024
V	Trường THCS thị trấn				
1	Nước sinh hoạt	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 10/2024, tháng 3/2025
2	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 10/2024, tháng 3/2025
3	Giấy vệ sinh, dụng cụ vệ sinh phục vụ nhà vệ sinh học sinh	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 10/2024, tháng 3/2025
4	Tiền học thêm	Học sinh/tiết	8.000	8.000	Đầu tháng kế tiếp
VI	Trường TH&THCS Na Hối				
1	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 10/2024
VII	Trường THCS Bảo Nhai				
1	Nước sinh hoạt	Học sinh/năm	18.000	18.000	Tháng 10/2024 và tháng 3/2025
2	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 10/2024 và tháng 3/2025
3	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 10/2024 và tháng 3/2025
4	Dạy thêm học học thêm	Học sinh/năm	7.000	7.000	Đầu tháng kế tiếp
VIII	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khánh				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra (Tiểu học)	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 11/2024; Tháng 4/2025
2	Phô tô đề, giấy kiểm tra (THCS)	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 11/2024; Tháng 4/2025
3	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm	24.500	24.500	Tháng 11/2024 và tháng 4 năm 2025
IX	Trường PTDTBT THCS Cốc Lầu				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	50.000	50.000	T11/2024 và T3 năm 2025
2	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 11/2024 và tháng 3 năm 2025
3	Mua sắm vật dụng, đồ dùng hàng năm cho học sinh bán trú	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 11/2024 và tháng 3 năm 2025
X	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Văn Chư				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra (Tiểu học)	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 11/2024; Tháng 2/2025
2	Phô tô đề, giấy kiểm tra (THCS)	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 11/2024; Tháng 2/2025
3	Mua sắm vật dụng đồ dùng hàng năm cho học sinh Bán trú	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 10/2024
XI	Trường PTDTBT THCS Hoàng Thu Phố				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	40.000	40.000	T11/2024 và T3 năm 2025

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu đơn vị đề nghị (đồng)	Mức thu phê duyệt (đồng)	Thời gian thu
2	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh (học sinh bán trú)	Học sinh/năm	45.000	45.000	Tháng 11/2024 và tháng 3 năm 2025
	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh (học sinh ngoại trú)	Học sinh/năm	20.000	20.000	Tháng 11/2024 và tháng 3 năm 2025
3	Mua sắm vật dụng, đồ dùng hàng năm cho học sinh bán trú	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 11/2024 và tháng 3 năm 2025
XII	Trường PTDTBT THCS Nậm Đét				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	40.000	40.000	Tháng 9/2024 đến tháng 4/2025
2	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh (học sinh bán trú)	Học sinh/năm	40.000	40.000	Tháng 9/2024 đến tháng 4/2025
	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh (học sinh ngoại trú)	Học sinh/năm	36.000	36.000	Tháng 9/2024 đến tháng 4/2025
XIII	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 2				
1	Phô tô đề, giấy kiểm tra	Học sinh/năm	30.000	30.000	Tháng 9/2024 đến tháng 4/2025
2	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh (học sinh ngoại trú)	Học sinh/năm	27.000	27.000	Tháng 9/2024 đến tháng 4/2025
3	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh (học sinh bán trú)	Học sinh/năm	50.000	50.000	Tháng 9/2024 đến tháng 4/2025

(Biểu gồm 40 trường)

[illegible]

